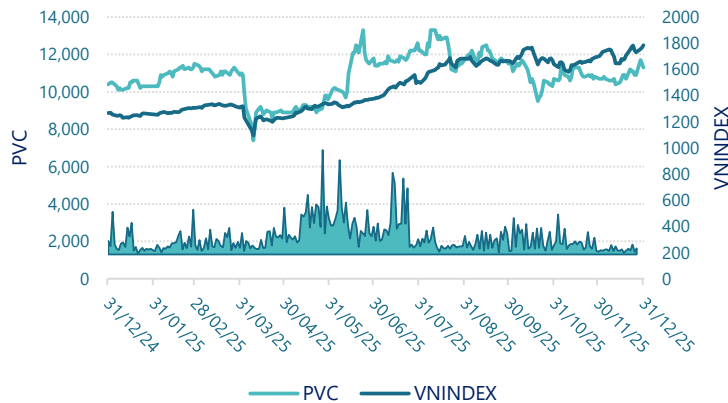




Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP (HNX: PVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	81,194,463
KLGD BQ 20 phiên (CP)	954,338
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	917
P/E	33.8
EPS	334

DT thuần

Q4/25

1,605

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 94.0 | 6.2%

YoY: ▲ 586 | 57.5%

LN sau thuế

Q4/25

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 5.20 | -32.0%

YoY: ▲ 2.04 | 22.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

5,182

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,225 | 75.2%

LN sau thuế

2025

42.8

tỷ VNĐ

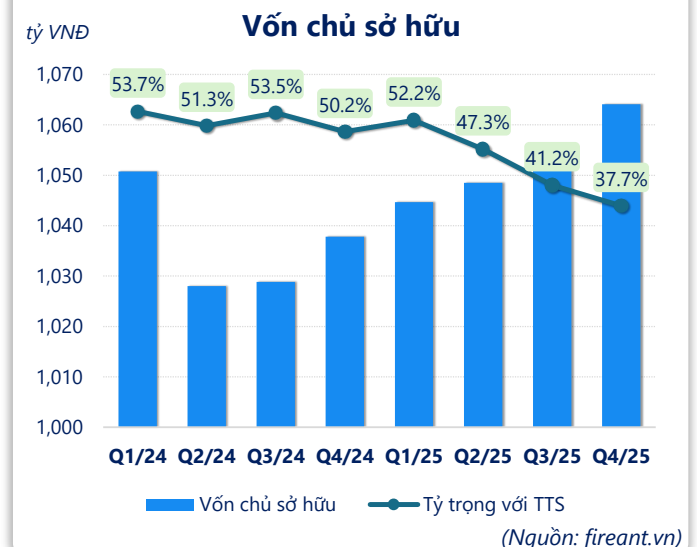
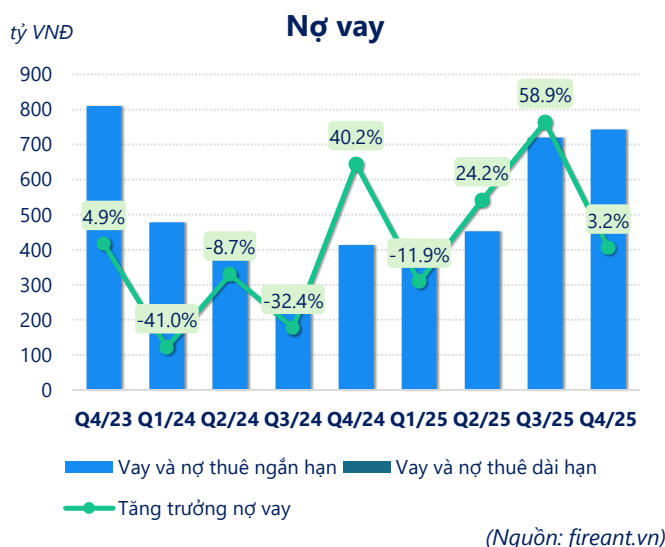
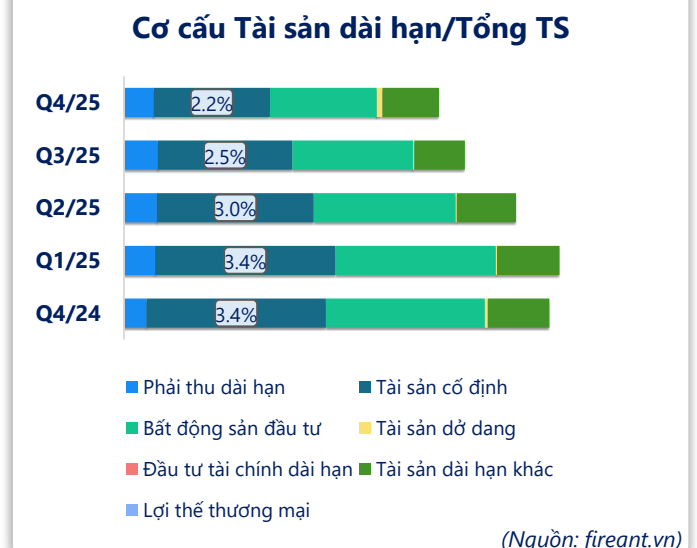
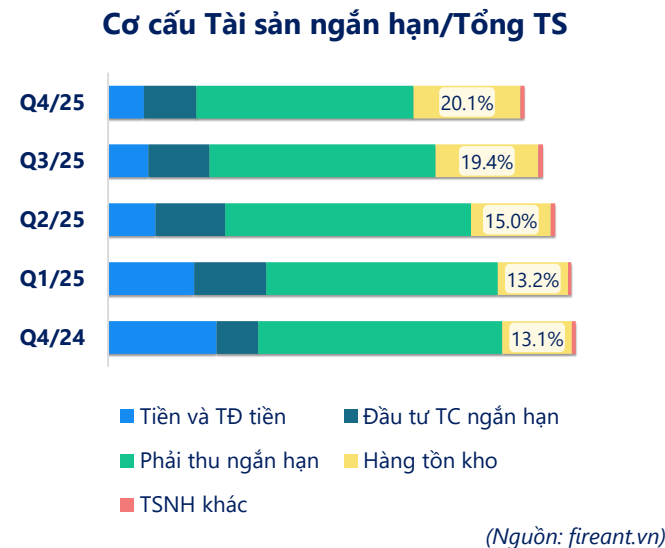
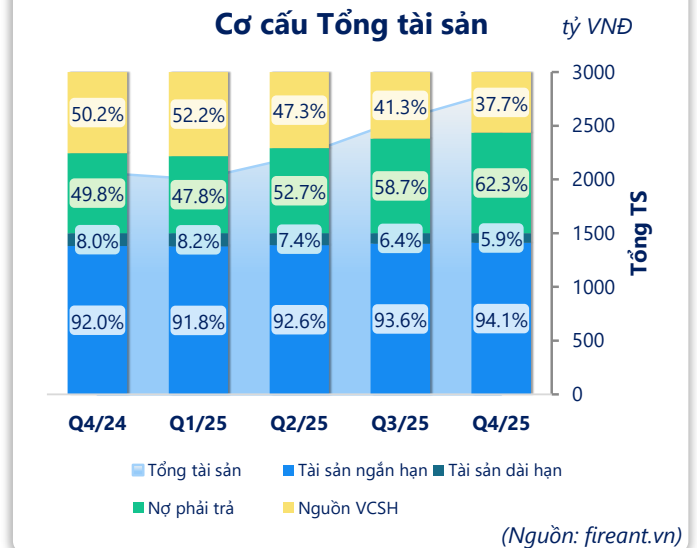
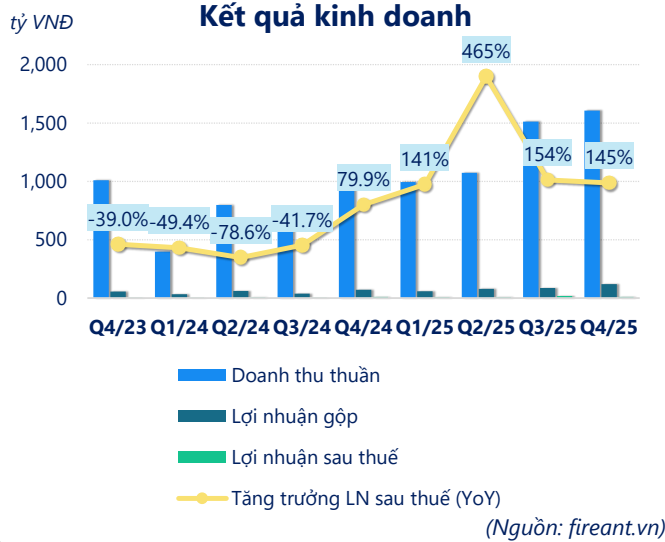
YoY: ▲ 27.3 | 177%

ROE

2025

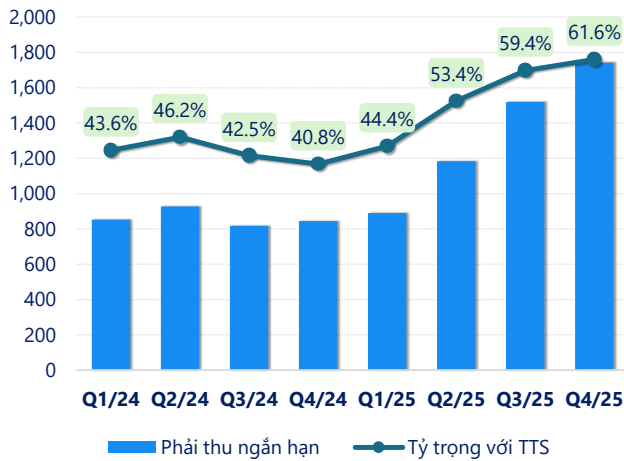
2.6%

+/- YoY: ▲ 2.3%



tỷ VNĐ

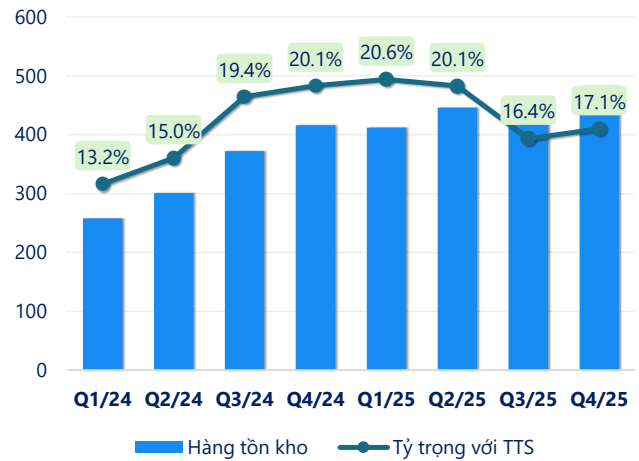
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

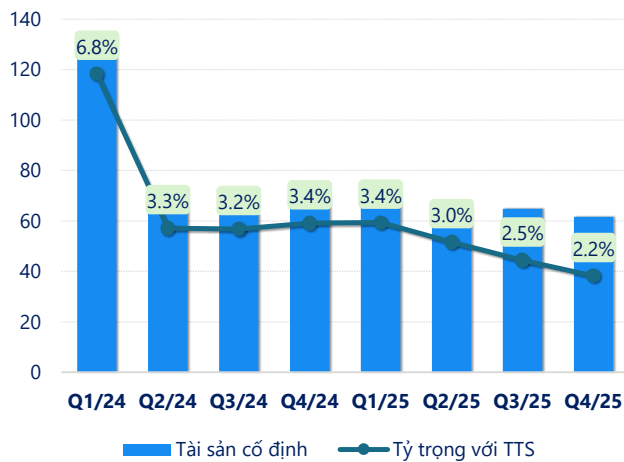
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

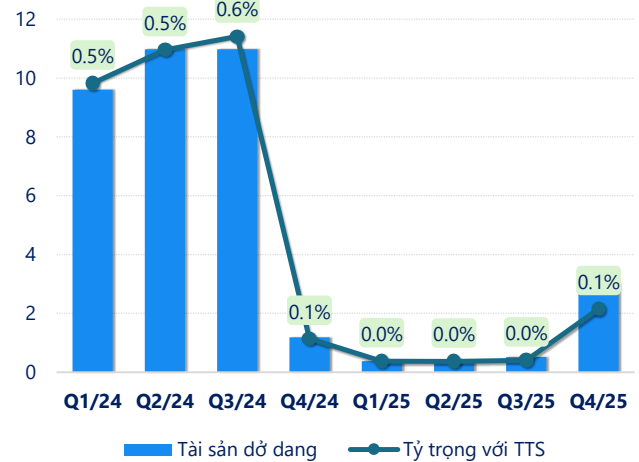
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

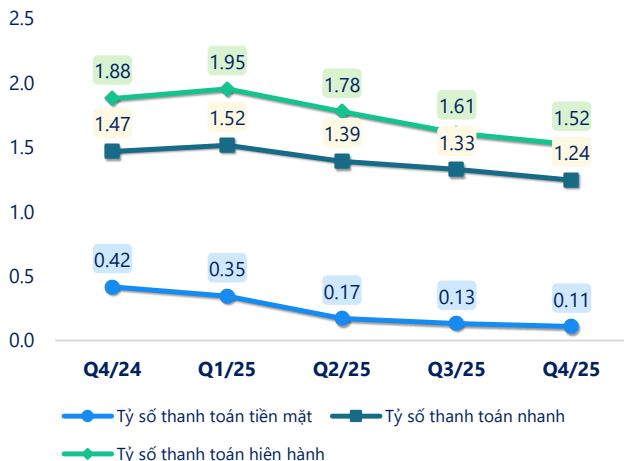
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



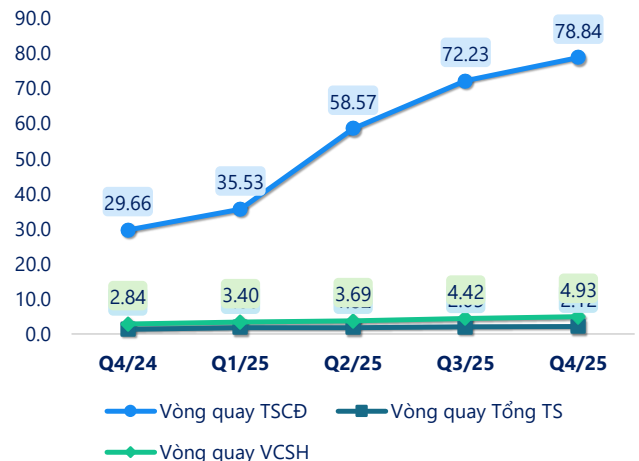
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,065	2,002	2,217	2,556	2,825
Tài sản ngắn hạn	1,900	1,838	2,054	2,392	2,658
Tiền và tương đương tiền	421	325	198	194	190
Đầu tư tài chính ngắn hạn	203	190	213	246	231
Phải thu ngắn hạn	844	889	1,183	1,519	1,740
Hàng tồn kho	416	412	446	419	482
Tài sản ngắn hạn khác	16.1	21.6	14.4	14.2	14.0
Tài sản dài hạn	165	164	164	164	167
Phải thu dài hạn	8.69	11.7	13.7	16.2	15.8
Tài sản cố định	69.8	67.9	65.4	64.8	61.7
Bất động sản đầu tư	61.7	60.5	59.3	58.0	56.8
Tài sản dở dang	1.18	0.38	0.41	0.52	3.04
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	23.9	23.5	24.7	24.3	30.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,028	957	1,169	1,500	1,761
Nợ ngắn hạn	1,011	941	1,155	1,487	1,748
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	365	453	720	743
Phải trả người bán ngắn hạn	370	339	415	438	596
Nợ dài hạn	16.4	16.2	13.5	13.5	13.6
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,038	1,045	1,049	1,056	1,064
Vốn chủ sở hữu	1,038	1,045	1,049	1,053	1,064
Vốn điều lệ	812	812	812	812	812
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	3.39	0

(Nguồn: fireant.vn)